

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỆT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐST
Ngày 13/5/2019
V/v Xin ly hôn và con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỆT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hưng và ông Mai Xuân Đùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1038/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐH-TA ngày 25/4/2019 giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Quỳnh T – Sinh năm: 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: T4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**/ Bị đơn:* Anh Đỗ Văn Ánh T1 – Sinh năm: 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: T4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Quỳnh T trình bày: Chị và anh Đỗ Văn Ánh T1 tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh T1

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung:

1/ cháu Đỗ Nhật Tường V - Sinh ngày: 12/4/2014.

2/ cháu Đỗ Phạm Minh K - Sinh ngày: 12/4/2014.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập anh Đỗ Văn Ánh T1 để làm việc và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo tổ tụng của Hội đồng xét xử và đương sự: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật dân sự tại phiên toà. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị Quỳnh T là có căn cứ cần chấp nhận xử cho chị T được ly hôn với anh Đỗ Văn Ánh T1 .

Về con: Giao con chung là cháu Đỗ Nhật Tường V - Sinh ngày: 12/4/2014 và cháu Đỗ Phạm Minh K - Sinh ngày: 12/4/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp*: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Quỳnh T, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Đỗ Văn Ánh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T1.

[3] *Về nội dung vụ án*: Căn cứ vào lời trình bày của chị T, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T anh T1 tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T anh T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về tình trạng hôn nhân của chị T anh T1 thì trong quá trình chung sống với nhau thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, tình cảm vợ chồng ngày càng nặng nề không còn chia sẻ được với nhau.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Anh T1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại T4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống

giữa chị T và anh T1 thường xảy ra mâu thuẫn đã được địa phương hòa giải nhưng không thành.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T anh T1 xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị T xin ly hôn anh T1 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung, cháu Đỗ Nhật Tường V - Sinh ngày: 12/4/2014 và cháu Đỗ Phạm Minh K - Sinh ngày: 12/4/2014

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Còn phía anh T1 thì thường đi làm vắng nhà nên không đảm bảo việc chăm sóc hai con chung. Xét điều kiện của chị T đảm bảo đủ các điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T anh T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị Quỳnh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Quỳnh T. Chị Phạm Thị Quỳnh T được ly hôn với anh Đỗ Văn Ánh T1.

Về con chung: Giao con chung cháu Đỗ Nhật Tường V - Sinh ngày: 12/4/2014 và cháu Đỗ Phạm Minh K - Sinh ngày: 12/4/2014 cho chị Phạm Thị Quỳnh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh T1 được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T anh T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Quỳnh T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐST được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0008640 ngày 10/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Đỗ Văn Ánh T1 không phải chịu tiền án phí

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

